

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2018/DS-PT

Ngày: 06/9/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua
bán củ Gừng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán:

Bà Hoàng Thị Thu Hương

Bà Trần Thị Trâm Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Viên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2018/TLPT-DS ngày 18 tháng 7 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng mua bán củ Gừng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 141/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Ngọc L, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Trung E, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm 1969 (vợ ông Trung E).

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Trung E, sinh năm 1959.

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/4/2018).

2. NLQ2, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Trung E - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Ngô Ngọc L trình bày:* Bà L với vợ chồng ông Trung E, NLQ1 là hàng xóm với nhau. Vào tháng 3/2017 Bà L có bán củ Gừng cho vợ chồng ông Trung E, hai bên thỏa thuận giá Gừng 4.200đ/kg, phương thức thanh toán nhỏ bao nhiêu thanh toán bấy nhiêu, cụ thể như sau:

Đợt 1: Ngày 16/3/2017 (âm lịch) số lượng Gừng 1.020kg, số tiền là 4.284.000 đồng.

Đợt 2: Ngày 21/3/2017 (âm lịch) số lượng Gừng 2.145kg, số tiền là 9.009.000 đồng.

Đợt 3: Ngày 21/3/2017 (âm lịch) số lượng Gừng 2.040kg, số tiền là 8.568.000 đồng.

Đợt 4: Ngày 22/3/2017 (âm lịch) số lượng Gừng 5.250kg, số tiền là 22.050.000 đồng.

Tổng cộng: 10.455kg Gừng, với số tiền là 43.911.000 đồng.

Do đã cân bốn đợt Gừng mà ông Trung E không thanh toán tiền cho bà L theo thỏa thuận nên bà L không tiếp tục bán Gừng cho ông Trung E nữa và yêu cầu ông Trung E thanh toán số tiền 43.911.000 đồng. Tuy nhiên, ông Trung E chỉ hứa hẹn mà không thanh toán. Sự việc bà L có yêu cầu Ban lãnh đạo ấp A, xã M hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, bà L khởi kiện đến Tòa án.

Bà L xác nhận, về số lượng Gừng và phương thức thanh toán thì hai bên không có lập thành biên bản, biên nhận cụ thể nhưng giữa bà L và ông Trung E có ngồi tính toán với nhau và có ghi số lượng mua bán củ Gừng, số tiền phải thanh toán trên tờ giấy A4 bìa cứng; trên tờ giấy này có chữ viết của bà L và có chữ viết của ông Trung E. Trong đó chữ viết: “350 *bị* ngày 21” đây là lần mua bán Gừng đợt 4 ngày 22/3/2017 do ông Trung E tự ghi. Quá trình giải quyết vụ án ông Trung E thừa nhận chỉ mua số lượng Gừng là 5.205kg thành tiền là 21.861.000 đồng. Còn lần mua bán đợt 4 thì không thừa nhận và cũng không thừa nhận chữ viết nêu trên. Ông Trung E có yêu cầu giám định chữ viết.

Theo kết luận giám định số: 168/KL-KTHS, ngày 26/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang đã kết luận chữ viết: “350 *bị* ngày 21” là không phải do ông Trung E viết ra. Bà L thống nhất với kết luận giám định nêu trên và không yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định lại. Bà L yêu cầu Tòa án căn cứ vào kết luận giám định nêu trên làm cơ sở giải quyết vụ án.

Đối với nội dung ông Trung E trình bày đã trả cho bà L 02 lần với tổng cộng số tiền là 32.000.000 đồng và đã trả thừa cho bà L số tiền 10.139.000 đồng. Bà L

không thừa nhận và xác nhận rằng trong suốt quá trình mua bán Gừng thì ông Trung E chưa thanh toán cho bà L bất cứ khoản tiền nào.

- *Tại phiên tòa bà L yêu cầu:* Do ông Trung E thừa nhận chỉ mua của bà L số lượng Gừng là 5.205kg, với số tiền là 21.861.000 đồng. Còn lần mua bán đợt 4 với số lượng Gừng là 5250kg, số tiền là 22.050.000 đồng thì ông Trung E không thừa nhận. Theo kết luận giám định số: 168/KL-KTHS, ngày 26/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang đã kết luận chữ viết: “350 bít ngày 21” là không phải do ông Trung E viết ra. Hiện tại, bà L cũng không có chứng cứ, chứng minh ông Trung E đã mua Gừng đợt 4, ngày 22/3/2017. Vì vậy, bà L chỉ yêu cầu vợ chồng ông Trung E, NLQ1 phải trả số tiền mua Gừng theo nội dung mà ông Trung E đã thừa nhận là: $5.205\text{kg} \times 4.200\text{đ}/01\text{kg} = 21.861.000$ đồng.

Bà L xin rút lại yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Trung E phải trả số tiền mua bán Gừng đợt 4, ngày 22/3/2017, với số lượng Gừng là 5250kg, số tiền là 22.050.000 đồng. Khi nào có đầy đủ chứng cứ, chứng minh thì bà L sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Trung E yêu cầu bà L phải trả lại số tiền đã trả dư là 10.139.000 đồng thì bà L không đồng ý và không thừa nhận.

Về chi phí giám định chữ viết, bà L yêu cầu Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

* *Bị đơn ông Nguyễn Văn Trung E trình bày:* Ông Trung E thừa nhận vào tháng 3/2017 ông có mua củ Gừng của bà L, hai bên thỏa thuận giá Gừng 4.200đ/kg, phương thức thanh toán nhờ bao nhiêu Gừng thanh toán bấy nhiêu như bà L trình bày là đúng. Tuy nhiên, ông chỉ mua của bà L 03 đợt, cụ thể:

- Đợt 1: Ngày 16/3/2017 (âm lịch) số lượng Gừng 1.020kg, với số tiền là 4.284.000 đồng.

- Đợt 2: Ngày 21/3/2017 (âm lịch) số lượng Gừng 2.145kg, với số tiền là 9.009.000 đồng.

- Đợt 3: Ngày 21/3/2017 (âm lịch) số lượng Gừng 2.040kg, với số tiền là 8.568.000 đồng.

Tổng cộng là 5.205kg Gừng, số tiền là 21.861.000 đồng.

Còn đợt 4: Ngày 22/3/2017 (âm lịch) số lượng Gừng 5.250kg, số tiền 22.050.000 đồng như bà L trình bày thì ông Trung E không thừa nhận và xác nhận giữa ông Trung E và bà L không có mua bán Gừng vào thời gian và số lượng Gừng như bà L đã trình bày trên.

Ông Trung E cho rằng, sau khi mua Gừng ông đã thanh toán cho bà L 02 lần với tổng cộng số tiền là 32.000.000 đồng. Như vậy, so với lượng Gừng thực tế mà ông Trung E đã mua và số tiền thực tế phải trả thì ông đã trả dư cho bà L số tiền là 10.139.000 đồng. Lý do trả dư tiền cho bà L là do cùng thời điểm ông Trung E mua Gừng của bà L thì cũng mua của nhiều người khác, do cộng nhầm sổ sách nên mới trả dư cho bà L số tiền trên. Ông Trung E xác nhận việc ông trả tiền cho bà L thì ông giao tiền trực tiếp cho bà L, hai bên không làm biên bản thanh toán, biên

nhận hay bất cứ văn bản gì. Ông Trung E chỉ trình bày đúng nội dung sự thật mà không có chứng cứ gì chứng minh đã trả cho bà L số tiền 32.000.000 đồng và đã trả dư số tiền là 10.139.000 đồng.

- *Tại phiên tòa ông Trung E yêu cầu:* Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L thì ông Trung E không đồng ý. Ông Trung E yêu cầu phản tố yêu cầu bà L phải trả số tiền ông Trung E đã trả dư là 10.139.000đ (Mười triệu một trăm ba mươi chín ngàn đồng).

Ông Trung E thống nhất với Kết luận giám định số 168/KL-KTHS, ngày 26/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang. Yêu cầu Tòa án căn cứ vào kết luận giám định này để giải quyết vụ án và không yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định lại. Đối với nội dung rút yêu cầu khởi kiện của bà L thì ông Trung E không có ý kiến gì, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về chi phí giám định: Ông Trung E yêu cầu bà L phải hoàn trả lại số tiền 1.890.000 đồng mà ông đã nộp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- *NLQ2 trình bày:* Ông Danh và bà L là vợ chồng hợp pháp. Ông Danh thống nhất với toàn bộ nội dung bà L đã trình bày và không có ý kiến bổ sung. Ông Danh yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L và bác yêu cầu phản tố của ông Trung E.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/3/2018 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ1 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của NLQ1 là ông Nguyễn Văn Trung E trình bày:* NLQ1 với ông Trung E là vợ chồng hợp pháp. Việc ông Trung E mua Gừng của bà L là được sự thống nhất đồng ý của vợ chồng ông Trung E, NLQ1 do ông Trung E đại diện đứng ra giao dịch, thỏa thuận với bà L. Toàn bộ nội dung sự việc NLQ1 thống nhất với nội dung mà ông Trung E đã trình bày và không có ý kiến bổ sung.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Ngọc L đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Trung E và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ1, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán Gừng”.

- Buộc ông Nguyễn Văn Trung E và NLQ1 cùng có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Ngọc L số tiền mua gừng còn nợ là 21.861.000đ (Hai mươi một triệu tám trăm sáu mươi một ngàn đồng).

- Bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn Trung E về việc yêu cầu bà Ngô Ngọc L phải trả lại số tiền là 10.139.000đ (Mười triệu một trăm ba mươi chín ngàn đồng).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Ngọc L, về việc yêu cầu ông Trung E phải trả số tiền mua bán gừng ngày 22/3/2017, với số lượng gừng

là 5250kg, số tiền là 22.050.000đ (Hai mươi hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng). Do bà L rút yêu cầu khởi kiện.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, chi phí giám định, án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/6/2018 ông Trung E có đơn kháng cáo không đồng ý trả cho Bà L số tiền 21.861.000 đồng, yêu cầu bà L trả lại cho anh số tiền 10.139.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phía bị đơn ông Nguyễn Văn Trung E vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm về và thời hạn thụ lý khi nhận đơn khởi kiện đã gần hai tháng, cũng như không có quyết định phân công Thẩm phán giải quyết vụ kiện, vi phạm tố tụng này không nghiêm trọng, cần rút kinh nghiệm với Tòa án cấp sơ thẩm.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Trung E và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ theo lời trình bày của các bên đương sự đều thừa nhận phía bà L có bán củ gừng cho ông Trung E ba đợt như sau:

- Đợt 1: Ngày 16/3/2017 (âm lịch) số lượng Gừng 1.020kg, với số tiền là 4.284.000 đồng.

- Đợt 2: Ngày 21/3/2017 (âm lịch) số lượng Gừng 2.145kg, với số tiền là 9.009.000 đồng.

- Đợt 3: Ngày 21/3/2017 (âm lịch) số lượng Gừng 2.040kg, với số tiền là 8.568.000 đồng.

Tổng cộng là 5.205kg Gừng, số tiền là 21.861.000 đồng.

Nay phía bà L yêu cầu ông Trung E thanh toán số tiền mua củ gừng là 21.861.000 đồng, còn ông Trung E cho rằng đã thanh toán cho bà L 02 lần với tổng cộng số tiền là 32.000.000 đồng. Như vậy, so với lượng củ gừng thực tế mà ông Trung E đã mua và số tiền thực tế phải trả thì ông đã trả dư cho bà L số tiền là

10.139.000 đồng, nên ông yêu cầu phản tố phía bà L trả lại số tiền đưa dư 10.139.000 đồng.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Trung E, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của ông Trung E tại đơn yêu cầu ngày 01/11/2017 ông trình bày có mua củ gừng của bà L 8.238 ký với số tiền là 34.599.600 đồng đã trả cho bà L hai lần tiền 32.000.000 đồng nay còn thiếu bà L 2.599.600 đồng (bút lục 22). Tại biên bản lấy lời khai của ông Trung E ngày 08/11/2017, ông trình bày thời gian từ ngày 21/3/2017 đến ngày 26/3/2017 ông có mua của bà L 06 tấn gừng với số tiền 25.200.000 đồng, ông đã trả cho bà L tổng cộng 32.000.000 đồng, như vậy ông đã trả thừa cho bà L 6.800.000 đồng (bút lục 24). Tại đơn yêu cầu phản tố ông Lợi cho rằng số lượng mua bán củ gừng của bà L tổng cộng 5.205 ký với số tiền 21.861.000 đồng, đã trả bà L 32.000.000 đồng, nay yêu cầu bà L trả lại tiền thừa 10.139.000 đồng.

[3] Phía bà L khi khiếu nại ra trụ sở ấp A giải quyết và tổ chức hòa giải thì thống nhất số lượng mua bán củ gừng là 8.238 ký, nhưng khi khởi kiện ra Tòa án thì bà L cho rằng đã bán cho ông Trung E 04 đợt tổng cộng 10.455 ký với số tiền 43.911.000 đồng yêu cầu ông Trung E trả nợ 43.911.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 08/11/2017 bà L lại thống nhất với ông Trung E về số lượng mua bán củ gừng từ ngày 16/3/2017 (âm lịch) đến ngày 21/3/2017 (âm lịch) tổng cộng 5.205 ký với số tiền 21.861.000 đồng.

[4] Như vậy, lời trình bày của các bên đều mâu thuẫn do việc thực hiện mua bán củ gừng giữa các bên khi giao nhận củ gừng và thanh toán tiền các bên đều tự ghi vào sổ của mỗi bên để theo dõi, không đối chiếu ký xác nhận số lượng giao nhận củ gừng và số tiền đã thanh toán, trong khi tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay và đối chiếu sổ sách ông Trung E cung cấp, phía ông Trung E thừa nhận trong giao dịch mua bán với bà Mỹ Dung, khi bà Mỹ Dung trả tiền đều có ký nhận số tiền vào sổ của ông. Tại biên bản hòa giải ngày 08/11/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm các bên đều thống nhất về số lượng mua bán củ gừng tổng cộng 5.205 ký với số tiền 21.861.000 đồng. Phía ông Trung E cho rằng đã thanh toán cho bà L 32.000.000 đồng, trả dư cho bà L 10.139.000 đồng là không phù hợp thực tế trong việc mua bán, không có chứng cứ chứng minh và bà L cũng không thừa nhận, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu của bà L về việc ông Trung E thừa nhận đã nhận của bà L tổng cộng 5.205 ký củ gừng với số tiền 21.861.000 đồng, để buộc ông Trung E thanh toán cho bà L là phù hợp Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh, nên không có cơ sở chứng cứ và pháp lý chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Trung E.

Cho nên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát là xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Trung E và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm, phía ông Trung E phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của Nguyễn Văn Trung E.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng các Điều 357, Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 6; khoản 2, 5 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Ngọc L đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Trung E và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ1, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán củ Gừng”.

2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Trung E và NLQ1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ngô Ngọc L số tiền mua củ gừng còn nợ là 21.861.000đ (Hai mươi một triệu tám trăm sáu mươi một ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi theo mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn Trung E về việc yêu cầu bà Ngô Ngọc L phải trả lại số tiền đưa dư là 10.139.000đ (Mười triệu một trăm ba mươi chín ngàn đồng).

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Ngọc L, về việc yêu cầu ông Trung E phải trả số tiền mua bán gừng ngày 22/3/2017, với số lượng gừng là 5250kg, số tiền là 22.050.000đ (Hai mươi hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng), do Bà L rút yêu cầu khởi kiện.

5. Về chi phí giám định: Bà Ngô Ngọc L phải chịu chi phí 1.890.000 đồng, do ông Trung E đã nộp tiền tạm ứng chi phí, nên buộc Bà L có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Trung E số tiền 1.890.000 đồng (Một triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng).

6. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Trung E và NLQ1 phải nộp án phí giá ngạch bằng số tiền: 1.093.050 đồng đối với yêu cầu khởi kiện của Bà L được chấp nhận và án phí giá ngạch của yêu cầu phản tố của ông Trung E không được chấp nhận là 506.950 đồng, tổng cộng vợ chồng ông Nguyễn Văn Trung E và NLQ1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.600.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông Trung E đã nộp 255.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0006875 ngày

03/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Kiên Giang, phía vợ chồng ông Trung E, NLQ1 còn phải nộp thêm số tiền 1.344.500 đồng (Một triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm Bà L đã nộp 1.100.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006685 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí phúc thẩm: Buộc ông Trung E phải nộp 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Trung E đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004176 ngày 04/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện U;
- THA dân sự huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Lâm Sơn